

Biểu mẫu 05

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ TỰ TRỌNG

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	- 6 tuổi; trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. - HS học trước tuổi, HS ở nước ngoài về nước, con em người nước ngoài làm việc tại Việt Nam được tuyển vào các trường tiểu học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. - Hộ khẩu hoặc tạm trú : khu 4,5 phường ĐHT - Chỉ tiêu: học sinh/ 8 lớp - Hồ sơ tuyển sinh gồm có: a. Đơn xin vào lớp 1 (theo mẫu của trường) b. Bản sao giấy khai sinh hợp lệ. c. Bản sao hộ khẩu. (Mang theo hộ khẩu bản chính để đối chiếu).	7 tuổi; đã hoàn thành chương trình lớp 1	8 tuổi; đã hoàn thành chương trình lớp 2	9 tuổi; đã hoàn thành chương trình lớp 3	10 tuổi; đã hoàn thành chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	- 35 tuần theo Chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	- Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: Thực hiện theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 Thông tư ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh.				

	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: Thực hiện theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016; Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT về đánh giá học sinh tiểu học và Nội quy trường, lớp.
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	- Đảm bảo đúng quy định. - Phòng học văn hóa: 30 (01 cơ sở) - Phòng Thư viện: 01 - Phòng Hành chánh: 01 - Phòng Hiệu trưởng: 01 - Phó Hiệu trưởng 02 - Phòng Y tế: 01 - Phòng Bảo vệ: 02 - Phòng đoàn đội 01 - Phòng công đoàn 01 - Phòng tin học 01 - Phòng thiết bị 01
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Học bổng Khuyến học, học bổng Nguyễn Đức Cảnh - Quà tặng: sách, vở, quần áo, dụng cụ học tập,...
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	- Cán bộ quản lý: 3 - Giáo viên chủ nhiệm: 40/40lớp - Giáo viên Tiếng Anh: 7 (trong đó có 02 HĐ) - Giáo viên Thể dục: 02 - Giáo viên Mỹ thuật: 01 - Giáo viên Âm nhạc: 0
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Dự kiến kết quả đạo đức của học sinh đạt được: 100% - Dự kiến kết quả học tập của học sinh đạt được: 99% - Dự kiến kết quả sức khỏe của học sinh đạt được: 100%
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Tốt

Ngày 10 tháng 5 năm 2023



Vũ Thị Huyền

Biểu mẫu 06

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ TỰ TRỌNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1909	399	362	317	359	472
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	830	211	210	199	203	203
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	1909	399	362	317	359	472
1	<i>Tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	1624	316	309	253	318	428
2	<i>Đạt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	285	83	53	64	41	44
3	<i>Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)</i>	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1909	399	362	317	359	472
1	<i>Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)</i>	1257	282	234	146	287	379
2	<i>Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	636	105	128	167	72	93
3	<i>Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)</i>	16	12	0	4	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1893 99,16	387 96,99	362 100	313 98,73	359 100	472 100
a	<i>Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)</i>	1257	282	234	146	287	379

b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	71	278	220	133	269	357
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	16	12	0	4	0	0

Quận 12, ngày 15 tháng 5 năm 2023



Biểu mẫu 07

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ TỰ TRỌNG

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	31/40	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	31	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)		6205 m ²
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		777 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		2630
1	Diện tích phòng học (m ²)	31	1643 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	1	191 m ²
3	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m²)</i>		300 m ²
4	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m²)</i>		
5	<i>Diện tích phòng ngoại ngữ (m²)</i>		52 m ²
6	<i>Diện tích phòng học tin học (m²)</i>		52 m ²
7	<i>Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m²)</i>		104 m ²
8	<i>Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m²)</i>		
9	<i>Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m²)</i>		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	8	8/8
1.2	Khối lớp 2	8	8/8

1.3	Khối lớp 3	7	7/7
1.4	Khối lớp 4	7	7/7
1.5	Khối lớp 5	10	10/10
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	70	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	45	45/40
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...		
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	292

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4		12/12		90 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 12, ngày 10 tháng 5 năm 2023


HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Huyền

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ TỰ TRỌNG
THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2023- 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	68		2	03	6	02	9	0	25	21				
I	Giáo viên	52			51	8			12	25	18	47	5		
	Trong đó số giáo viên nhiều môn				41	2				21	13	36	5		
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ				5				1	2	2	5			
3	Tin học				1					1		1			
4	Âm nhạc					1				0	0	1			
5	Mỹ thuật					0				0	0	0			
6	Thể dục				2	1				1	1	1			
II	Cán bộ quản lý				3						3	3			
1	Hiệu trưởng	1			3						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2									2	2			
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	0	1								
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	1	00	0								
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0								

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	68		2	03	6	02	9	0	25	21				
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	0	1							
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	0	0	1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	0	0	0	0	1						
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0							
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0							
9	...														

Quận 12, ngày 10 tháng 5 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

LÝ TỰ TRỌNG

Vũ Thị Huyền